

Bản án số: 55/2021/HS-PT  
Ngày 22/6/2021

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Ngọc.

*Các Thẩm phán:* Ông Lương Đức Dương và ông Lê Quốc Hương.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Trang, là Thư ký viên của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Tố Quyên – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 29/2021/TLPT-HS ngày 01 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo Lê Tuấn K, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 02/2021/HSST ngày 15 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông.

- **Bị cáo có kháng cáo:** **Lê Tuấn K**, sinh năm 1969 tại tỉnh Hải Dương; nơi cư trú: Số 33 đường TCD, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Nguyên Giám đốc Xí nghiệp Lâm nghiệp Đ; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Thạc C (đã chết) và bà Nguyễn Thị T; có vợ là Cao Thị Trà Đ và 02 con; bị bắt tạm giam từ ngày 05-11-2015 đến ngày 02-02-2016; tại ngoại – Có mặt.

- **Người bào chữa cho bị cáo:**

Ông Mai Văn H, Luật sư của Văn phòng Luật sư NMH; địa chỉ: Số 11 LDC, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

Ông Đoàn Quang H, Luật sư của Văn phòng Luật sư X; địa chỉ: Số 104 HT, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

- **Nguyên đơn dân sự:** Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Văn H; chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Văn T; chức vụ: Công chức địa chính – nông nghiệp – xây dựng và môi trường xã (theo văn bản ủy quyền ngày 10-6-2021) – Có mặt.

- **Giám định viên:** Ông Nguyễn Văn Kh; địa chỉ: Vườn Quốc gia TĐ, xã N, huyện Y, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

- **Người làm chứng:**

Ông Nông Anh H – Vắng mặt.  
Ông Nguyễn Chí Đ – Vắng mặt.  
Ông Nguyễn Văn Ph – Có mặt.  
Bà Dương Thị Th – Vắng mặt.  
Ông Bé Đức Th – Vắng mặt.  
Ông Nông Văn T – Vắng mặt.  
Ông Nông Văn S – Vắng mặt.  
Ông Nguyễn Văn N – Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 8-2010, Nguyễn Văn Ph là nhân viên quản lý bảo vệ rừng của Xí nghiệp lâm nghiệp Đ (*viết tắt là Xí nghiệp*) trực thuộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (*viết tắt là Công ty*) G (*nay là Ban quản lý rừng phòng hộ G*) có nhu cầu nhận giao khoán đất rừng để quản lý, bảo vệ rừng và trồng rừng theo Nghị định số: 135/2005/NĐ-CP ngày 08-11-005 của Chính phủ. Ph nói với Lê Tuấn K (*Giám đốc Xí nghiệp*) thì K đồng ý. Sau đó K chỉ đạo Nguyễn Chí Đ là cán bộ kỹ thuật của Xí nghiệp tiến hành đo đạc, khảo sát, khoanh vẽ bản đồ để giao khoán đất rừng cho Ph. Ngày 18-8-2010, K ký hợp đồng giao khoán 21 ha (*gồm 06 ha đất chưa có rừng và 15 ha đất đã có rừng sản xuất*) tại khoảnh 01, tiểu khu 1685 cho Ph. Do Ph là nhân viên của Xí nghiệp nên người đứng tên trên hợp đồng giao khoán là bà Dương Thị Th (*vợ của Ph*). Theo Điều lệ của Công ty G thì người có thẩm quyền ký kết hợp đồng giao khoán là Giám đốc Công ty G nên việc K ký hợp đồng là không đúng thẩm quyền, hậu quả 15 ha rừng sản xuất đã bị hủy hoại và đất bị lấn chiếm.

Tháng 8-2014, Bé Đức Th, Bé Văn H, Nông Văn S và Đàm Văn M từ Bình Phước đến thôn 08, xã Đ, huyện Y để trồng tiêu cho anh Đàm Bé Ng. Do thấy đất ở đây màu mỡ nên Th, N, S, M hỏi Nông Anh H thì H nói gặp Lê Văn B để trao đổi. Một ngày sau, Th, N, S, M gặp B tại chòi rẫy của anh Ng thì được B dẫn đi xem khu rừng tọa lạc tại lô 04 và lô 07, khoảnh 04, tiểu khu 1686 do Công ty G quản lý. Khi nhóm của Th hỏi giá thì B cho biết K bán với giá 45.000.000đ/ha thì tự dọn, 60.000.000đ/ha thì B dọn sạch cho, đồng thời phải mua 10 ha trở lên mới làm được giấy tờ, nếu đồng ý thì đặt cọc cho B 100.000.000 đồng để B giao dịch với K làm hồ sơ thủ tục. Sau đó B dẫn nhóm của Th đến Xí nghiệp gặp K, H cũng đi cùng B còn N ở lại. Khi gặp, K nói với nhóm của Th là sẽ giao đất rừng nghèo từ 10 ha và chỉ một người được đứng tên, khi có giấy tờ mới được phát dọn và thỉnh thoảng chữa lại một cây. Nhóm của Th thống nhất mua 10 ha, trong đó Th mua 04 ha; S, N và M mỗi người mua 02 ha. Th bỏ ra 100.000.000 đồng đặt cọc cho B để B giao lại cho K.

Sáng ngày 26-8-2014, nhóm Th đến Xí nghiệp gặp K, K soạn 01 biên bản huy động vốn giao cho Th và nhóm Th giao số tiền 350.000.000 đồng còn lại cho B tại quán cà phê gần Xí nghiệp. Sau khi có giấy của K, nhóm T tiến hành phát dọn, cưa cây hủy hoại rừng. Trưa ngày 02-9-2014, B gọi điện thông báo có

lực lượng kiểm lâm vào kiểm tra thì những người đang thực hiện hành vi phá rừng đi về.

Tại Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 29-9-2014 và ngày 11-5-2015 của Công an, Viện kiểm sát, Hạt kiểm lâm huyện Y xác định: Diện tích rừng mà T, H, N và M đã hủy hoại là 40.540m<sup>2</sup> rừng sản xuất.

Tại Bản kết luận giám định ngày 18-12-2014 và ngày 06-8-2015 của Giám định viên tư pháp trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ rừng kết luận: Đối với diện tích rừng do T, H, N và M hủy hoại bị thiệt hại là 112.776.846 đồng.

Tại Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 21-4-2016 của Công an, Viện kiểm sát, Hạt kiểm lâm huyện Y xác định: Diện tích rừng bị hủy hoại do giao rừng trái pháp luật là 150.000m<sup>2</sup> rừng sản xuất.

Tại Bản kết luận giám định ngày 28-4-2016 của Giám định viên tư pháp trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ rừng kết luận: Đối với diện tích rừng bị hủy hoại do việc giao rừng trái pháp luật bị thiệt hại là 2.586.567.750 đồng.

Vật chứng của vụ án: 01 máy định vị GPS Map 76 CSX, số X, ký hiệu N0223; 01 giấy sang nhượng đất rẫy giữa Lê Văn B và Bế Đức Th; 01 đơn xin huy động vốn trồng rừng và quản lý bảo vệ rừng ngày 28-10-2014 giữa Trần Văn H và Lê Tuấn K; 01 hồ sơ giao khoán rừng - đất lâm nghiệp cho Dương Thị Th.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 02/2021/HSST ngày 15-01-2021 của Tòa án nhân dân huyện Đắk GLong, tỉnh Đắk Nông đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Lê Tuấn K phạm tội “*Vi phạm quy định về quản lý rừng*”. Áp dụng khoản 3 Điều 176; khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (*sửa đổi, bổ sung năm 2009*), xử phạt bị cáo Lê Tuấn K 07 (*bảy*) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giam từ ngày 05-11-2015 đến ngày 02-02-2016.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về hình phạt đối với bị cáo Lê Văn B, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo.

Ngày 28-01-2021, bị cáo Lê Tuấn K kháng cáo đề nghị hủy phần bản án sơ thẩm đã tuyên bị cáo phạm tội “*Vi phạm quy định về quản lý rừng*” theo khoản 3 Điều 176 của Bộ luật Hình sự năm 1999 và đình chỉ vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông: Sau khi phân tích nội dung vụ án đã đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355, điểm b khoản 1 Điều 358 của Bộ luật Tố tụng hình sự, hủy một phần bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại theo quy định của pháp luật đối với nội dung liên quan đến việc kết án bị cáo Lê Tuấn K.

Ý kiến của những người bào chữa cho bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 13, Điều 359 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Tuấn K, hủy một phần bản án sơ thẩm, tuyên bố bị cáo Lê Tuấn K không phạm tội và đình chỉ vụ án đối với bị cáo Lê Tuấn K.

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Tuấn K giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử hủy một phần bản án sơ thẩm, tuyên bố bị cáo không phạm tội và đình chỉ vụ án đối với bị cáo.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Ngày 18-8-2010, bị cáo Lê Tuấn K ký hợp đồng giao khoán cho bà Dương Thị Th 21 ha rừng; ngày 26-8-2014, bị cáo tiếp tục ký Biên bản huy động vốn trồng rừng để giao cho nhóm Bé Đức Th 10 ha. Như vậy, tổng diện tích rừng bị cáo đã giao là 31 ha nhưng cấp sơ thẩm lại xác định hậu quả do hành vi của bị cáo gây ra dựa trên tổng diện tích rừng bị hủy hoại (*tức*  $150.000m^2 + 40.540m^2$ ) là không chính xác. Theo hướng dẫn tại tiêu mục 2, phần IV Thông tư liên tịch số: 19/2007/TTLT-BNN-BTP-BCA-VKSNDTC-TANDTC ngày 08/3/2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Bộ Tư pháp – Bộ Công an – Viện kiểm sát nhân dân tối cao – Tòa án nhân dân tối cao thì hậu quả của tội “*Vi phạm quy định về quản lý rừng*” là tổng diện tích rừng đã giao trái pháp luật, không phải tổng diện tích rừng bị hủy hoại.

[2]. Cấp sơ thẩm nhận định bị cáo Lê Tuấn K đã lập Biên bản huy động vốn trồng rừng ngày 26-8-2014 và giao cho nhóm Bé Đức Th để phát dọn trồng rừng. Tuy nhiên, Biên bản huy động vốn này có phải là quyết định giao rừng hay có giá trị như một quyết định giao rừng trái thẩm quyền hay không chưa được cấp sơ thẩm điều tra làm rõ. Đồng thời, cấp sơ thẩm chưa điều tra làm rõ diện tích rừng bị hủy hoại vào thời gian nào, trước hay sau khi bị cáo ký hợp đồng giao khoán và biên bản huy động vốn trồng rừng.

[3]. Cấp sơ thẩm chưa điều tra làm rõ Thông báo số 27 ngày 30-8-2010 được đóng dấu của Xí nghiệp Lâm nghiệp Đ vào thời điểm nào? Trong hồ sơ có một số lời khai mâu thuẫn về thời điểm ban hành Thông báo số 27 và thời điểm ông Ph, bà Th nhận được Thông báo số 27 nhưng chưa được cấp sơ thẩm điều tra làm rõ.

[4]. Có một số lời khai của bị cáo Lê Tuấn K cho rằng bà Th chỉ nhận giao khoán thay cho anh trai là ông Dương Đình H nhưng cấp sơ thẩm chưa lấy lời khai của ông Dương Đình H về nội dung này.

[5]. Từ những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy, cấp sơ thẩm chưa điều tra, xác minh và thu thập đầy đủ chứng cứ để xác định diện tích rừng được giao, việc giao rừng có đúng quy định của pháp luật hay không và tuyên buộc trách nhiệm bồi thường thiệt hại do rừng bị hủy hoại gây ra. Do đó, cần hủy một phần bản án sơ thẩm để điều tra lại về hành vi vi phạm quy định về quản lý rừng đối với bị cáo Lê Tuấn K.

[6]. Do bản án sơ thẩm bị hủy một phần nên Hội đồng xét xử không xem xét kháng cáo kêu oan của bị cáo Lê Tuấn K.

[7]. Về án phí hình sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị hủy để điều tra lại nên bị cáo Lê Tuấn K không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355, điểm b khoản 1 Điều 358 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

1. Hủy một phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 02/2021/HSST ngày 15 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông để điều tra lại về tội danh đối với bị cáo Lê Tuấn K.

2. Chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông để giải quyết lại theo thủ tục chung.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng điểm f khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí tòa án: Bị cáo Lê Tuấn K không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TAND tối cao (*Vụ GĐKT I*);
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Đắk Glong;
- VKSND huyện Đắk Glong;
- CQ CSĐT CA huyện Đắk Glong;
- CQ THAHS CA huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- P. HSNVCS CA tỉnh Đắk Nông;
- CQ THAHS CA tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa hình sự;  
Tổ hành chính tư pháp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký tên, đóng dấu)*

**Bùi Thị Ngọc**